

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GÒ DẦU
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 07-4-2023
V/v: Tranh chấp về ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ DẦU, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Kim Quyên

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hiệp

2. Bà Trần Thị Đào

- Thư ký phiên tòa: Ông Trần Xuân Sơn – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Lương Bá Xanh – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 4 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Dầu, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 472/2022/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 10 năm 2022 về việc “Tranh chấp về ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị C, sinh năm 1976.

Địa chỉ: Ấp XM 2, xã TP, huyện GD, tỉnh TN.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Châu T, sinh năm 1979.

Địa chỉ: Ấp TV 1, xã TP, huyện GD, tỉnh TN.

(Chị C và anh T vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20-5-2022 và các biên bản làm việc, nguyên đơn chị Huỳnh Thị C trình bày:

Chị và anh Nguyễn Châu T chung sống với nhau vào năm 1998, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện GD vào năm 2010, nữ trang ngày cưới không còn nên chị không yêu cầu giải quyết. Sau khi

kết hôn vợ chồng chị sống chung nhà với cha mẹ ruột anh T đến năm 2012 thì chị về nhà cha mẹ ruột sinh sống, còn anh T vẫn ở nhà của cha mẹ chồng cho đến nay.

Vợ chồng chị chung sống hạnh phúc đến năm 2012 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh T cờ bạc và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, chị không chấp nhận được nên về nhà cha mẹ ruột sống đến nay, từ khi ly thân vợ chồng chị không gặp nhau để bàn việc đoàn tụ. Nhận thấy tình cảm không còn nên chị yêu cầu ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 người tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 21-01-2000 hiện đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai đương sự ngày 27-02-2023, bị đơn anh Nguyễn Châu T trình bày:

Anh và chị C chung sống có phát sinh mâu thuẫn nên về hôn nhân anh đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C. Về con chung: Đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết. Đồng thời có đơn xin giải quyết vắng mặt trong vụ án ly hôn với chị C.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật và giải quyết vụ án:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và các đương sự, kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi vào nghị án được thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân gia đình. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị C đối với anh Nguyễn Châu T. Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Minh T, sinh ngày 21-01-2000, đã thành niên có khả năng lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết. Về nợ chung: Không có nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa; kết quả tranh tụng tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị C và anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt nên vụ án vẫn được tiến hành xét xử là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về hôn nhân: Chị C và anh T chung sống với nhau vào năm 1998, hôn nhân tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã TP, huyện

GD vào năm 2010 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Nay chị C có yêu cầu ly hôn với anh T Tòa án thụ lý và giải quyết theo thủ tục chung.

Xét yêu cầu ly hôn của chị C: Chị C trình bày giữa chị và anh T có mâu thuẫn do anh T cờ bạc và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác. Qua làm việc với anh T, anh T xác định giữa anh và chị C có mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên gây gổ nên anh T đồng ý ly hôn theo yêu cầu của chị C. Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn trong hôn nhân giữa chị C và anh T đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài nên cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C đối với anh T là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[2.2] Về con chung: Chị C và anh T có 01 con chung là cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 21-01-2000 hiện đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí: Chị C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Căn cứ vào Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình và khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Huỳnh Thị C đối với anh Nguyễn Châu T. Chị C được ly hôn với anh T.

2. Về con chung: Cháu Nguyễn Minh T, sinh ngày 21-01-2000 hiện đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000 (ba trăm ngàn) đồng chị C đã nộp theo biên lai thu số 0024668 ngày 04-10-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Dầu. Chị C đã nộp xong tiền án phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Gò Dầu;
- CC.THADS huyện Gò Dầu;
- Ủy ban nhân dân xã TP (182/2010);
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Võ Kim Quyên